

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 1315/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 8 năm 2019
V/v: Tranh chấp về ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Cán bộ tòa án.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0432/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/QĐXX-ST ngày 26/6/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2019/QĐ-HPT ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1969 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 4C Cư xá PDL, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 220/77 đường HHT, Phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Nguyễn Mạnh D sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 4C Cư xá PDL, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản Phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1964 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1997, tại UBND phường 03, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, ông D đi làm không đưa tiền về để lo cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó ông D còn có tính vũ phu đã nhiều lần đánh đập bà. Bản thân bà đã cố gắng chịu đựng vì muốn xây dựng gia đình nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, vẫn không làm thay đổi tính tình của ông D. Với bản tính gia trưởng, độc đoán ông tự quyết định mọi việc trong gia đình mà không cần hỏi ý kiến của bà. Bà và ông D đã sống ly thân hơn 05 năm. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án xét xử cho ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D.

- Về con chung: bà và ông D có một con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/5/2001, đến nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: bà khai không có và không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: bà khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu ly hôn; Về con chung: đã trưởng thành; Về tài sản chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: bà xác định không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Về tố tụng:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

- Đối với bị đơn: Tòa án tổng đạt, niêm yết cho bị đơn: Thông báo thụ lý vụ án và các Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản Phiên họp và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- *Về việc chấp hành tố tụng:*

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- *Về nội dung:*

Ngày 27/9/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D. Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 0432/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2019.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 322/TLKH-BS ngày 14/5/2018 thì bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Mạnh D đã đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, quận Bình Thạnh, Tp.HCM vào ngày 10/3/1997; Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Trong quá trình sống chung bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Mạnh D có nhiều bất đồng về quan điểm sống; các bên không còn hòa hợp với nhau, cuộc sống chung gặp nhiều khó khăn, mâu thuẫn, vợ chồng không thông cảm thông cho nhau dẫn đến không còn trách nhiệm cho nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân kéo dài từ năm 2014 đến nay và không thể hàn gắn.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh D trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều không đến Tòa án làm việc, nên không có lời trình bày ý kiến của bị đơn; Qua đó nhận thấy ông D không có sự quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Trang là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên Nguyễn Minh T1 sinh ngày 23/05/2001. Hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX tuyên:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: bà T được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh T1 sinh ngày 23/05/2001. Hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu T chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D. Đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh D có nơi cư trú tại: Số 4C Cư xá PDL, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh D, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Mạnh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 03, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 10/3/1997 do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Mạnh D là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông D đã xảy ra những bất đồng về quan điểm sống, không thông cảm lẫn nhau, thường xuyên gây gổ từ đó dẫn đến

cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì con bà đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không làm thay đổi tình cảm. Bà và ông D đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và kéo dài, bà T cương quyết ly hôn với ông D.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D UBND phường 3 nơi ông, bà sinh sống cho biết: Ủy ban nhân dân phường chưa nhận được đơn, cũng như chưa hòa giải các xung đột trong gia đình giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Mạnh D cư trú tại Số 4C Cư xá PDL, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống giữa ông D và bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, do bất đồng về quan điểm sống và không có trách nhiệm với gia đình. Ông D và bà T đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Bản thân ông D khi biết Tòa án thụ lý vụ án cũng không có ý kiến về việc nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn, khi được Tòa án Thông báo và triệu tập đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ ông cũng không có mặt, do đó cho thấy ông không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định của pháp luật, được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo Điều 2, Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là: *“Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng”. “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”. “Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cho nhau”*. Đối chiếu với các quy định và tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ tình yêu, sự tự nguyện của hai phía cũng như trách nhiệm với gia đình, vợ chồng phải tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa ông D và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn tôn trọng, yêu thương lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông D là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về con chung: bà, ông có 01 con chung tên Nguyễn Minh T1, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu T phải đóng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

-Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 2, 19, 21, 51, 53, 56; 81; 82; 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D.

2. Về con chung: đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trang xác định không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005565 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND quận Bình Thạnh ;
- THA DS quận Bình Thạnh;
- UBND phường Đập Đá -
Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Dương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

HỘI THẨM HÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN- CHỦ**
TỌA

